TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DS-ST
Ngày: 27-01-2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu
Bà Phạm Hồ Quỳnh Uyên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 384/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXXST-DS ngày 31/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-DS ngày 14/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (sau đây viết tắt là: VPBank). Địa chỉ: Số 89 Láng H, phường Đống Đ, Thành phố Hà N. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tích Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Thị H H – Chúc vụ: Phó Giám đốc Trung tâm của VPBank. Người được ủy quyền tham gia tố tụng gồm các ông (bà): Lê Văn T hoặc Nguyễn Văn Ch - Đều cán bộ của VPBank; cùng địa chỉ: Tầng 4, số 112 Phan Chu Tr, (quận Hải Châu cũ), TP.Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 10/2025/UQN-CTQT ngày 12/02/2025 của VPBank; Văn bản ủy quyền số 8927.05/2025/UQN-HCM NM-RCC ngày 31/5/2025 của VPBank); ông Tùng có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 109 Phạm Phú T, phường Cẩm L (phường Khuê T, quận Cẩm L cũ), TP.Đà N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2025, Bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V ông Lê Văn T trình bày:

Ngày 03/3/2021 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng hoặc VPBank) với bà Trần Thị H có ký Giấy đăng ký kiêm hợp

đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng ưu tiên + Phụ lục hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (*Sau đây gọi tắt là*: Hợp đồng mở thẻ hoặc hợp đồng tín dụng), hạn mức tín dụng là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), loại thẻ Diamond World Lady, thời hạn thẻ là 05 năm, mục đích: Phục vụ tiêu dùng cá nhân, lãi suất quá hạn là 3,99%/ tháng, tương đương 47,88%/năm tính trên số dư nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã rút tổng số tiền 1.681.473.387 đồng, nộp lại số tiền 1.251.064.172 đồng; trong đó, trả gốc 968.119.071 đồng, trả lãi 114.019.677 đồng, kỳ giao dịch rút tiền cuối cùng là ngày 13/11/2024, Ngày 14/12/2024 bà H bắt đầu vi phạm hợp đồng và Ngân hàng chuyển khoản nợ sang quá hạn. Tính đến ngày 27/01/2026 bà H còn nợ lại số tiền gốc 282.945.101 đồng, lãi 147.464.114 đồng, tính từ ngày 14/12/2024 đến ngày 27/01/2026; tổng tiền nợ là 430.409.215 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H không trả, nay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V khởi kện bà H, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị H trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V tổng số tiền nợ là 430.409.215 đồng; trong đó, số tiền gốc 282.945.101 đồng, tiền lãi 147.464.114 đồng, tính từ ngày 14/12/2024 đến ngày 27/01/2026 và đề nghị tiếp tục tính tiền lãi kể từ ngày 28/01/2026 cho đến khi tất toán xong khoản vay cho ngân hàng.

Bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án tống đạt Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa để đến tham gia phiên tòa, bà H nhận được các văn bản của Tòa ánh nhưng vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng". Bị đơn bà Trần Thị H có nơi cư trú tại: Số 109 Phạm Phú T, phường Cẩm L (phường Khuê Tr, quận Cẩm L cũ), TP.Đà N. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V là đúng về thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Các thông báo, triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Trần Thị H, bà H nhận được các văn bản nhưng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và luôn vắng mặt không có lý do. Phiên tòa đã được mở lại lần thứ hai nên quyền lợi của bà H đã được bảo đảm. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V khởi kiện bà Trần Thị H, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V tổng số tiền nợ 430.409.215đ (bốn trăm ba mươi triệu, bốn trăm không chín ngàn, hai trăm mười lăm đồng); trong đó, số tiền gốc 282.945.101 đồng, lãi 147.464.114 đồng, tính từ ngày 14/12/2024 đến ngày 27/01/2026 và đề nghị tiếp tục tính tiền lãi kể từ ngày 28/01/2026 cho đến khi tất toán xong khoản vay cho ngân hàng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V thì thấy:

[2.1] Xét về số tiền nợ gốc 282.945.101đ (hai trăm tám mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn, một trăm không một đồng) thì thấy:

Ngày 03/3/2021 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V với bà Trần Thị H có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng ưu tiên + Phụ lục hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (*Sau đây gọi tắt là*: Hợp đồng mở thẻ hoặc hợp đồng tín dụng), với hạn mức 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn thẻ là 05 (năm) năm, lãi suất quá hạn là 3,99%/ tháng, tương đương 47,88%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã rút tổng số tiền 1.681.473.387 đồng, nộp lại số tiền 1.251.064.172 đồng; trong đó, trả gốc 968.119.071 đồng, trả lãi 114.019.677 đồng, kỳ giao dịch rút tiền cuối cùng là ngày 13/11/2024, bắt đầu vi phạm và chuyển khoản nợ sang quá hạn từ ngày 14/12/2024. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H không trả nên bà H đã vi phạm nội dung của hợp đồng tín dụng. Ngân hàng xác định tính đến ngày 27/01/2026 bà H còn nợ ngân hàng tổng số tiền gốc là 430.409.215đ (bốn trăm ba mươi triệu, bốn trăm không chín ngàn, hai trăm mười lăm đồng); trong đó, số tiền gốc 282.945.101 đồng, lãi 147.464.114 đồng, tính từ ngày 14/12/2024 đến ngày 27/01/2026.

Như vậy, số tiền gốc bà H còn nợ ngân hàng là 282.945.101 đồng (1.251.064.172 đồng – 968.119.071 đồng = 282.945.101 đồng). Do đó, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V khởi kiện bà H đòi số tiền nợ gốc 282.945.101 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét về số tiền lãi 147.464.114đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn, một trăm mười bốn đồng) tính từ ngày 14/12/2024 đến ngày 27/01/2026 thì thấy:

Ngày 13/11/2024 bà H rút tiền lần cuối cùng, ngày 13/12/2024 bà H vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng chuyển toàn bộ khoản vay của bà H sang nợ quá hạn, theo thỏa thuận tại Biểu lãi suất điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của khối khách hàng cá nhân dựa trên đánh giá hành vi rủi ro của chủ thẻ giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V với bà H thì lãi suất quá hạn là 3,99%/ tháng, tương đương 47,88%/năm, ngân hàng yêu cầu bà H chịu lãi quá hạn từ ngày 14/12/2024 đến ngày xét xử 27/01/2026 là 13 tháng 14 ngày trên số tiền nợ gốc. Như vậy, số tiền nợ gốc 282.945.101 đồng x 47,88%/ x 13 tháng 14 ngày/365 ngày = 151.959.890 đồng. Tuy nhiên, ngân hàng yêu cầu bà H trả số tiền lãi 147.464.114đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn, một trăm mười bốn đồng) là

thấp hơn tiền lãi trên. Đây là sự tự nguyên của nhân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bà H phải trả số tiền lãi quá hạn 147.464.114đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn, một trăm mười bốn đồng) là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V đối với bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: Tổng tiền bà H phải thanh toán cho ngân hàng là 430.409.215 đồng; trong đó, số tiền gốc 282.945.101 đồng, lãi 147.464.114 đồng, tính từ ngày 14/12/2024 đến ngày 27/01/2026.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/01/2026), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc 282.945.101 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và Biểu lãi suất điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của khối khách hàng cá nhân dựa trên đánh giá hành vi rủi ro của chủ thẻ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị H thua kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.216.368 đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí 8.469.649 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003883 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 15 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V đối với bị đơn bà Trần Thị H về việc "*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng"*.

2. Tuyên xử:

2.1. Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/01/2026 là 430.409.215đ (bốn trăm ba mươi triệu, bốn trăm không chín ngàn, hai trăm mười lăm đồng); trong đó, số tiền gốc 282.945.101đ (hai trăm tám mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn, một trăm không một đồng), tiền lãi 147.464.114đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn, một trăm mười bốn đồng).

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 28/01/2026 bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc 282.945.101 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng và Biểu lãi suất điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của khối khách hàng cá nhân dựa trên đánh giá hành vi rủi ro của chủ thẻ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị H phải chịu 21.216.368đ (hai mươi mốt triệu, hai trăm mười sáu ngàn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí 8.469.649 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003883 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ngày 27/01/2026.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thế Anh